| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG BÔNG**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 8 - 2022
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nga 2. Ông Phan Văn Hòe

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên

Vào ngày 03 tháng 08 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

* Bị đơn: Anh Bùi Sỹ G, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại toà án, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Bùi Sỹ G chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký

kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng tương đối hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên lục đục, cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, anh G không còn quan tâm đến chị nữa. Anh G thường đi làm vài ngày mới về, chị không biết đi đâu, làm gì. Mặc dù anh vẫn thường xuyên đi về thăm con, vẫn đưa tiền cho chị để nuôi con nhưng vợ chồng không còn yêu thương, không quan tâm nhau nữa, anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị không còn tình cảm gì với anh G, vợ chồng  không cùng chung sống, không cùng xây dựng kinh tế gia đình nên chị có nguyện vọng sớm được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/5/2014 và cháu Bùi Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/8/2015. Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, bản thân chị không thể cáng đáng nuôi 02 cháu, chị và anh G có trao đổi, thống nhất với nhau chị sẽ nuôi cháu Bùi Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/8/2015 còn anh G sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/5/2014 nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Bùi Sỹ G trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Vợ chồng chung sống đến tháng 2/2022 thì do làm ăn thua lỗ, lâu lâu anh có đi chơi với bạn bè một chút nên vợ anh làm đơn ly hôn. Nhưng anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi con.

Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Gia B và Bùi Nguyễn Thùy L. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Gia B còn giao cháu Bùi Nguyễn Thùy L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Cháu Bùi Nguyễn Gia B trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện

vọng được ở với bố.

*Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy:* Anh Bùi Sỹ G ít khi có mặt tại địa phương, anh thường đi đi về về. Chị L và anh G chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do anh G nợ nần vì bài bạc. Hiện nay anh G và chị L không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa ngày 12/6/2022, bị đơn anh Bùi Sỹ G vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Bùi Sỹ G vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được đảm bảo đầy đủ các quyền và lời ích hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình*

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/8/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/5/2014 cho anh Bùi Sỹ G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu

nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết "ly hôn và tranh chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Vào năm 2013, chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sỹ G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị L cho rằng quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mẫu thuẫn, cãi vã do khó khăn về kinh tế gia đình. Anh G thường xuyên đi xa nhà, không biết đi đâu, làm gì. Anh vẫn gọi điện hỏi thăm, gửi tiền về nuôi con nhưng vợ chồng không cùng chung sống, không cùng xây dựng kinh tế gia đình.

Anh G cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn và anh không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án nhiều lần triệu tập anh lên làm việc, anh vẫn cố tình vắng mặt, không thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ với chị L. Mặt khác, lời trình bày của chị L là phù hợp với nội dung xác minh tại chính quyền địa phương: Anh G thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì.

Xét thấy, anh chị đã không còn chung sống, bản thân chị L không còn tình cảm với anh G, nền tảng của gia đình là sự gắn bó về mặt tình cảm, cùng chung sống và chung tay xây dựng kinh tế gia đình đã không còn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Nguyễn Gia B, sinh

ngày 20/5/2014 và cháu Bùi Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/8/2015.

Anh Bùi Sỹ G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Gia B, cháu Bảo có nguyện vọng muốn ở với bố. Cháu Bùi Nguyễn Thùy L còn nhỏ, chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh, các bên không tranh chấp về việc nuôi con chung. Việc giao con chung theo nguyện vọng của các bên như trên là đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ các cháu tốt nhất, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận .

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, nợ chung, tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

***Vì các lẽ trên***:

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình*

*Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Sỹ G.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/5/2014 cho anh Bùi Sỹ G trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/8/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cac cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

*Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.*

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000

đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0013017 ngày 15/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**
*-TANDTC;*
*-TAND tỉnh Đắk Lắk;*
*- VKSND huyện K;*
*-Các ĐS;*
*-THADS huyện K;*
*- UBND xã C, huyện K;*
*-Lưu Hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

***Nguyễn Thị Tâm***